

Bản án số: 18/2023/DS-ST

Ngày: 07/02/2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN TÁM**

2. Bà **ÂU THỊ NGỌC HOA**

- Thư ký phiên tòa: Ông **NGUYỄN TRƯỜNG AN** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **TRẦN HƯƠNG LINH** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 571/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Văn D**, năm 1957 (Có mặt)

Bà **Cao Thị H**, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 0, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1990 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 02/11/2022 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn D, bà Cao Thị H cùng trình bày:

Ngày 11/01/2020 (nhằm ngày 25/8/2020 âm lịch) chị D có vay của ông bà số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Thời hạn vay đến ngày 01/10/2021 (nhằm ngày 25/8/2021 âm lịch). Chị D có làm biên nhận cho ông bà làm tin và hứa mỗi tháng sẽ trả lãi đầy đủ. Hiện số nợ vay đã quá hạn nhưng chị D không trả kéo dài cho đến nay. Nay ông bà có yêu cầu buộc chị D phải trả số tiền 20.000.000 đồng và lãi suất theo mức 0,83%/tháng đến ngày xét xử kể từ ngày 02/10/2021.

Tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, ông bà chỉ yêu cầu chị D phải trả số tiền 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất phát sinh.

Theo bản tự khai ngày 05/01/2023, bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Vào ngày 01/10/2020, chị có vay của ông D, bà H số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, thời hạn vay 01 năm là ngày 01/10/2021. Sau đó, chị có lập hợp đồng mới trên số tiền gốc 20.000.000 đồng, đến tháng 02/2023 hết hạn nhưng hợp đồng chỉ có bà H ký và cất giữ. Nay chị đồng ý trả số tiền 20.000.000 đồng, nhưng xin trả dần

mỗi tháng 500.000 đồng đến hết nợ, bắt đầu trả vào ngày 30/02/2023, xin không trả lãi do kinh tế đang gặp khó khăn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên. Bị đơn có đơn xin vắng mặt.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Thị D trả số tiền 20.000.000 đồng, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị D có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

[2] Tại Tòa, nguyên đơn đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vốn vay còn thiếu là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất phát sinh. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tôn trọng, chấp nhận quyền tự định đoạt của đương sự. Từ đó, đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút như trên.

Về nội dung:

[3] Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa, nguyên đơn đã khẳng định thực tế vào thời điểm năm 2020, bị đơn có vay tiền của nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn trả vào ngày 01/10/2021 nhưng đến nay chưa trả, lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng. Bị đơn có viết biên nhận cho nguyên đơn làm tin. Việc bị đơn cho rằng, bị đơn đã viết lại biên nhận mới trên số tiền 20.000.000 đồng và hạn trả là đến tháng 02/2023 chỉ có chữ ký của bà H thì bị đơn không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thuyết phục để chứng minh trong khi nguyên đơn xác định có giữ một biên nhận cho rằng chị D viết nhưng hoàn toàn không có chữ ký nào của chị D và nguyên đơn cũng không đồng ý với nội dung trong biên nhận này nên không ký xác nhận. Do đó, lời khai trên của bị đơn là hoàn toàn không có căn cứ. Trong khi đó, bản thân bị đơn cũng đồng ý trả số tiền vốn vay còn thiếu 20.000.000 đồng cho nguyên đơn nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến hết nợ. Việc xin trả dần của bị đơn là không có cơ sở và không được nguyên đơn đồng ý.

Từ đó, xác định việc bị đơn có vay tiền và hiện còn thiếu nợ lại nguyên đơn là có thật theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và Tòa án có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn D, bà Cao Thị H buộc bị đơn chị Nguyễn Thị D phải có trách nhiệm trả cho ông D, bà H số tiền vốn vay còn thiếu là 20.000.000 đồng theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 92, 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn D, bà Cao Thị H.

Buộc chị Nguyễn Thị D phải chịu trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn D, bà Cao Thị H số tiền vốn vay còn thiếu là 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông D, bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị D chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: Chị D phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông D, bà H số tiền 500.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0010565 ngày 16/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Xuân Lam

